

Số: 5864 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá cụ thể dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông
đối với dịch vụ bảo quản kho lưu trữ, tài liệu số và bảo quản
tài liệu lưu trữ dạng giấy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành nông nghiệp và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Báo cáo số 21845/BC-SNNMT-KHTC ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông (dịch vụ công nghệ thông tin) đối với dịch vụ bảo quản kho lưu trữ, tài liệu số và bảo quản tài liệu lưu trữ dạng giấy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 22636/TTr-SNNMT-KHTC ngày 21 tháng 7 năm 2026; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 5087/STP-VB ngày 12 tháng 5 năm 2026, Sở Tài chính tại Công văn số

11983/STC-QLG ngày 11 tháng 5 năm 2026, Sở Nội vụ tại Công văn số 9061/SNV-LĐTLBHXH ngày 27 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá cụ thể dịch vụ

Quy định giá cụ thể dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông đối với các dịch vụ sau:

1. Bảo quản kho lưu trữ, tài liệu số: theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.
2. Bảo quản tài liệu lưu trữ dạng giấy: theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thời điểm áp dụng

Mức giá quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng từ năm ngân sách 2026 cho đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng mức giá quy định tại Quyết định này; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp khó khăn, vướng mắc; kịp thời rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh mức giá khi các yếu tố hình thành giá biến động hoặc quy định pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng ĐT, KT;
- Lưu: VT (ĐT/Tg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Minh Thạnh



PHỤ LỤC I
GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ
BẢO QUẢN KHO LƯU TRỮ, TÀI LIỆU SỐ

(Kèm theo Quyết định số 5864/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Hệ số	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí vật tư trực tiếp			Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp	Cộng chi phí trực tiếp	Chi phí chung 15%	Đơn giá sản phẩm cụ thể
					Chi phí dụng cụ	Chi phí vật liệu	Chi phí năng lượng				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+3+4+5	8=7*15%	9=7
1	Bảo quản kho lưu trữ tài liệu										
	Kho chuyên dụng	m ² kho	1	142,857	3,007	3,900	1,349		151,113		151,113
	Kho thông thường	m ² kho	1.2	171,768	3,608	4,680	1,349		181,405		181,405
	Kho tạm	m ² kho	1.5	214,285	4,511	5,850	1,349		225,995		225,995
2	Báo cáo tình hình bảo quản kho lưu trữ										
	Kho chuyên dụng	Báo cáo	1	58,332	242	27,000	2,439		88,013		88,013
	Kho thông thường	Báo cáo	1.2	69,998	290	32,400	2,439		105,127		105,127
	Kho tạm	Báo cáo	1.5	87,497	363	40,500	2,439		130,799		130,799

Ghi chú:

- Giá cụ thể nêu trên:

+ Không bao gồm chi phí thiết bị (chi phí khấu hao); chưa tính thuế giá trị gia tăng; chi phí chung 15%.

+ Chưa tính chi phí quản lý chung theo điểm b, khoản 3 mục II, Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (25.000.000 đồng/nhiệm vụ/năm); Chưa trừ chi phí lao động kỹ thuật và chi phí quản lý chung của biên chế, cán bộ, viên chức trong thời gian tham gia dự án theo quy định tại Mục V, Phụ lục 04, Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.



PHỤ LỤC 2
GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ
BẢO QUẢN TÀI LIỆU LƯU TRỮ DẠNG GIẤY

Kèm theo Quyết định số 5864/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Hệ số	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí vật tư trực tiếp			Chi phí khấu hao tài sản cố định trực tiếp	Cộng chi phí trực tiếp	Chi phí chung 15%	Đơn giá sản phẩm cụ thể
					Chi phí dụng cụ	Chi phí vật liệu	Chi phí năng lượng				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=2+3+4+5	8=7*15%	9=7
1	Bảo quản tài liệu lưu trữ dạng giấy										
	Kho chuyên dụng	Mét giá	1	615,729	308	601	232		616,870		616,870
	Kho thông thường	Mét giá	1.2	728,961	370	721	232		730,284		730,284
	Kho tạm	Mét giá	1.5	971,948	462	902	232		973,544		973,544
2	Ghi Nhật ký bảo quản tài liệu lưu trữ (bước này không tính định mức)										

Ghi chú:

- Giá cụ thể nêu trên:

- + Không bao gồm chi phí thiết bị (chi phí khấu hao); chưa tính thuế giá trị gia tăng; chi phí chung 15%.
- + Chưa tính chi phí quản lý chung theo điểm b, khoản 3 mục II, Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (25.000.000 đồng/nhiệm vụ/năm); Chưa trừ chi phí lao động kỹ thuật và chi phí quản lý chung của biên chế, cán bộ, viên chức trong thời gian tham gia dự án theo quy định tại Mục V, Phụ lục 04, Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.